

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-PT.

Ngày: 22 - 9 - 2023.

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản,
yêu cầu công nhận hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Bà Lê Thị Thu Hằng
- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 17/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam kháng nghị; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐ - PT ngày 15/9/2023; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Đồng Minh H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Ông Nguyễn Trọng H - Luật sư Công ty Luật TNHH Chính Pháp Đồng Tâm thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Đồng Văn T, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Ông Phan Văn V, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

Do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022, lời khai của nguyên đơn; lời khai của bị đơn; bản tự khai và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Cụ Đồng Văn Ph (sinh năm 1927) và cụ Nguyễn Thị Kh (sinh năm 1931) có 03 người con chung, gồm: Ông Đồng Minh H, sinh năm 1958; ông Đồng Văn T, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam và ông Đồng Văn Th, sinh năm 1961 (chết ngày 30/10/1995, ông Th chết khi chưa có vợ, con). Hai cụ không có con nuôi, không có con riêng. Cụ Đồng Văn Ph, chết ngày 12/02/1967, cụ Nguyễn Thị Kh chết ngày 17/5/2014. Bố mẹ đẻ của cụ Ph đều đã chết trước cụ Ph, bố mẹ đẻ của cụ Kh đều đã chết trước cụ Kh. Cụ Ph và cụ Kh chết đều không để lại di chúc cho ai thừa kế tài sản. Các tài sản cụ Ph và cụ Kh chết để lại, gồm:

Thửa đất số 64, tờ bản đồ 20 tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Đồng Thị Ph do Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân cấp ngày 26/01/2000 với tổng diện tích là 175m² đất ở. Thửa đất này là di sản thừa kế của cụ Ph và cụ Kh. Tài sản trên đất có 01 nhà hai tầng và lán tôn trước nhà; 01 nhà mái bằng không có khu vệ sinh và lán tôn trước nhà, sân lát gạch, lán pluximang, trụ cổng, tường rào; 05m² đất trồng cây đình lăng, 01 cây chanh, 02 cây mít, 01 cây vú sữa, 01 cây sấu, 01 cây bưởi. Tài sản là nhà mái bằng không có khu vệ sinh là của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh, còn các tài sản khác là của ông Đồng Văn T và bà Phạm Thị Nh xây dựng.

Thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06 tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Đồng Thị Ph cấp ngày 17/4/2003 với tổng diện tích là 467m² đất lúa là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Kh và ông Th. Tài sản trên đất có 11 cây hồng xiêm, 30 khóm chuối, 05 cây nhãn, 06 cây bưởi, 31 cây cau. Các tài sản trên đất do vợ chồng ông Đồng Văn T và bà Phạm Thị Nh xây dựng, trồng trọt.

Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 20 tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Đồng Thị Ph do Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân cấp ngày 26/01/2000 với tổng diện tích là 265m² đất vườn là tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Kh và ông Th. Năm 2010, cụ Kh đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất tại thửa đất này cho ông Phan Văn V với giá tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Việc giao đất và

nhận tiền giữa cụ Kh với ông V có viết giấy biên nhận ngày 04/12/2010 và được ông Nguyễn Văn V là trưởng xóm ký xác nhận ngày 05/12/2010. Ông V đã nhận đất và sử dụng từ năm 2010 đến nay không có ai tranh chấp gì. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông V đã san lấp, canh tác và trồng các cây hoa màu trên đất. Tài sản trên đất có 11 cây bưởi, 04 cây chanh, 01 cây mít, tường bao là của ông Phan Văn V.

Về tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Kh và ông Th như sau: Cụ Kh và ông Th mỗi người được giao 36m² đất phần trăm và 330m² đất 115. Tổng tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Kh và ông Th là 732m². Năm 2013, thực hiện dồn đổi ruộng đất thì diện tích đất hộ cụ Kh phải đóng góp làm đường giao thông là 10m² nên tiêu chuẩn đất nông nghiệp của hộ cụ Kh còn 722m². Cụ Kh và ông Th được giao đất nông nghiệp chung thửa mà không xác định vị trí cụ thể của từng tiêu chuẩn.

Ông Đồng Minh H yêu cầu di sản thừa kế là 03 thửa đất trên của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh, gồm 175m² đất ở trị giá 245.000.000đồng; 265m² đất vườn trị giá 89.570.000đồng; 467m² đất lúa trị giá 91.065.000 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế là 425.635.000 đồng. Ông H yêu cầu các diện tích đất trên đều chia đôi cho ông H và ông Th mỗi người một nửa. Ông H đề nghị được nhận di sản thừa kế là đất và thanh toán giá trị bằng tiền để trả cho người có công sức san lấp, có tài sản trên phần đất mà ông H được nhận. Phần nhà mái bằng của cụ Ph, cụ Kh để lại hiện nay đã xuống cấp, ông Th đã phá dỡ một phần để xây nhà hai tầng, hiện nay không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu Tòa án chia thừa kế. Đối với yêu cầu độc lập của ông V, ông H không đồng ý. Vì ông H cho rằng không biết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Kh và ông V mà chỉ biết hiện nay trên hồ sơ địa chính của xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam các thửa đất mà ông H yêu cầu chia di sản thừa kế có tên của cụ Kh, việc chuyển nhượng đất giữa cụ Kh và ông V cũng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận.

Bị đơn ông Đồng Văn T có ý kiến: Ông Th xác định, cụ Ph và cụ Kh chết để lại 03 thửa đất nêu trên, người trong hàng thừa kế chỉ có ông H và ông, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông Th cho rằng diện tích đất ở mà ông H hiện nay đang sử dụng là di sản thừa kế của ông Th nên đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với diện tích đất này. Tòa án đã thông báo cho ông Th nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông Th không nộp. Ông Th đề nghị nhận phần thừa kế bằng hiện vật là đất, phần nhà, đất ông Th đang sử dụng thì đề nghị tiếp tục được sử dụng. Đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 20, diện tích 265m² đất vườn cụ Kh đã chuyển nhượng cho ông V thì ông Th nhất trí việc cụ Kh chuyển nhượng, đề nghị Tòa án công nhận việc chuyển nhượng đất giữa cụ Kh và ông V, công nhận quyền sử dụng đất cho ông V.

Ngày 27/12/2022, ông Phan Văn V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn V và cụ Nguyễn Thị Kh theo giấy biên nhận ngày 04/12/2010 đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 20, diện tích 265m² đất vườn, vị trí thửa đất: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Với các căn cứ cho rằng, việc mua bán chuyển nhượng đất giữa ông và cụ Kh là do hai bên tự nguyện, ông đã giao đủ tiền cho cụ Kh, cụ Kh đã giao đất cho ông sử dụng từ năm 2010 đến nay, các con của cụ Kh cũng không ai có ý kiến gì, việc mua bán hai bên có viết giấy tay và có chứng kiến của vợ chồng ông Th, bà Nh và ông Nguyễn Văn V là trưởng xóm.

Bà Phạm Thị Nh có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án giao toàn bộ thửa đất ở cho ông Th để vợ chồng bà tiếp tục sử dụng tài sản là nhà kiên cố của vợ chồng đã xây dựng trên đất. Thửa đất nông nghiệp có công sức của bà Nh và ông Th trong việc vượt lập, trồng cây nên bà Nh đề nghị Tòa án nếu chia đất cho ông H thì ông H phải thanh toán giá trị cây cối, công sức vượt lập cho vợ chồng bà theo kết quả Tòa án đã định giá. Về công sức bảo quản tài sản, di sản thừa kế; chi phí chăm sóc, chữa bệnh, mai táng, xây bốc mộ cho cụ Ph, cụ Kh các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 129, các Điều 502, Điều 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650; điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về chia thừa kế: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Minh H chia di sản của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh thừa kế theo pháp luật.

Xác nhận quyền thừa kế di sản của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Đồng Minh H và ông Đồng Văn T được hưởng di sản thừa kế của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh chết để lại.

Xác định di sản thừa kế của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh chết để lại là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20, vị trí đất tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam là 175m² đất ở trị giá 245.000.000 đồng. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Kh chết để lại là thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06, vị trí đất tại thôn T, xã N,

huyện L, tỉnh Hà Nam là 467m² đất lúa trị giá 91.065.000đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Ph và cụ Kh chết để lại các đương sự yêu cầu phân chia là 336.065.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Chia đều theo pháp luật cho 02 kỹ phần thừa kế gồm: Ông H và ông Th, mỗi kỹ phần được hưởng là 168.032.500 (Một trăm sáu mươi tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2.1. Chia cho ông Đồng Minh H được quyền sở hữu, sử dụng bằng hiện vật là diện tích 467m² đất lúa, trị giá 91.065.000 đồng, tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06, vị trí đất ở thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam (có tứ cận và sơ đồ kèm theo) và tài sản trên đất (do ông Thành và bà Nhân xây dựng trồng trọt), gồm:

Tường bao xây gạch bi trị giá 3.751.000 đồng; cây hoa màu: 11 cây hồng xiêm trị giá 3.402.000 đồng, 30 khóm chuối trị giá 2.465.000 đồng, 05 cây nhãn trị giá 1.250.000 đồng, 06 cây bưởi trị giá 2.517.000 đồng, 31 cây cau trị giá 4.526.000 đồng; công vượt lập 70.900.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là đất và tài sản trên đất là 179.876.000 (Một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

2.2. Chia cho ông Đồng Văn T được quyền sở hữu, sử dụng bằng hiện vật là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20, diện tích 175m² đất ở vị trí đất tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Trị giá thửa đất là 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu) đồng có tứ cận và sơ đồ kèm theo. Ông Th và bà Nh được sử dụng các tài sản trên đất do ông Th, bà Nh xây dựng (các tài sản này các đương sự không yêu cầu giải quyết).

2.3. Về nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản:

Ông Đồng Văn T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá tài sản trả cho ông Đồng Minh H số tiền 76.967.500 đồng (Bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ông Đồng Minh H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá tài sản trên đất trả cho ông Đồng Văn T và bà Phạm Thị Nh số tiền 88.811.000đ (Tám mươi tám triệu tám trăm mười một nghìn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Phan Văn V, về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa ông Vinh và cụ Kh theo giấy biên nhận ngày 04/12/2010 đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 20, diện tích 265m² (số đo hiện nay còn lại là 231m²) đất vườn, vị trí thửa đất tại thôn Th, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Diện tích đất các bên đã tự giao nhận cho nhau.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị Kh và ông Phan Văn V theo giấy biên nhận ngày 04/12/2010 có hiệu lực

pháp luật. Ông V có nghĩa vụ nộp các khoản phí với nhà nước và được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đất và định giá tài sản:

- Ông Đồng Văn T có trách nhiệm thanh toán trả ông Đồng Minh H số tiền 2.186.500đ (Hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Ông Phan Văn V có trách nhiệm thanh toán trả ông Đồng Minh H số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 24/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định kháng nghị số 1703/QĐ - VKS - DS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, xác định di sản thừa kế của cụ Ph và cụ Kh để lại theo đúng hiện trạng thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20, diện tích 173m² đất ở và trích công sức quản lý di sản, chi phí chăm sóc phụng dưỡng, mai táng cụ Kh cho ông Đồng Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đồng Minh H cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông không nhất trí với toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam giữ nguyên Quyết định kháng nghị và phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS- ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam; án phí phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, nhận định của Tòa án:

[1]. Về tố tụng: Quyết định kháng nghị số 1703/QĐ - VKS - DS ngày 24/7/2023 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam trong thời hạn

luật định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà bị đơn ông Đồng Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

[2.1]. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Ph và cụ Kh để lại theo đúng hiện trạng thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20, diện tích 173m² đất ở.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Lý Nhân cấp cho hộ bà Đồng Thị Ph ngày 26/01/2000 thể hiện diện tích thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20, tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam là 175m² đất ở. Tuy nhiên, theo tài liệu đo đạc hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ngày 26/12/2022 thì thửa đất này có diện tích thực tế là 173m². Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế của cụ Ph và cụ Kh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 175m² là chưa đúng với hiện trạng thực tế của thửa đất, làm thay đổi giá trị của tài sản, dẫn đến việc phân chia kỷ phần được hưởng của mỗi bên chưa chính xác; vì vậy cần xác định lại diện tích thửa đất để tính giá trị thực tế diện tích 173m² có trị giá là 242.200.000 đồng để phân chia cho các bên mới đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[2.2]. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trích công sức quản lý di sản, chi phí chăm sóc phụng dưỡng, mai táng cụ Kh cho ông Đồng Văn T.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Trong thời gian chung sống cùng cụ Kh và sau khi cụ Kh, ông Th mất, bị đơn ông Đồng Văn T có công bảo quản, gìn giữ, tôn tạo duy trì khối tài sản chung của cụ Ph, cụ Kh. Theo tinh thần Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 06/4/2016 thì yêu cầu không chia thừa kế của ông Th có quyền lợi lớn hơn yêu cầu xem xét công sức. Do vậy, khi ý kiến của ông Th không được chấp nhận thì Tòa án cần xem xét tính giá trị công sức quản lý di sản, cũng như chi phí chăm sóc phụng dưỡng, lo mai táng cho cụ Kh và ông Th là phù hợp; vì vậy cần xem xét đến công sức quản lý di sản cho ông Th theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

[3]. Đối với ý kiến của ông Đồng Minh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 280, 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 697, 698, 699, 700, 701, 702 Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 1 Điều

106 Luật đất đai năm 2003, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam do vi phạm về thời hiệu. Sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân theo hướng tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị Kh và ông Phan Văn V là vô hiệu, đồng thời xác định lại di sản thừa kế để chia thừa kế lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đúng quy định về thời hạn theo Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị Kh và ông Phan Văn V là vô hiệu, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu của ông Đồng Minh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông vượt quá phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm, vì vậy yêu cầu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 129, các Điều 502, Điều 610, 611, 612, 613, 618, 623, 649, 650; điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về chia thừa kế: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Minh H chia di sản của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh thừa kế theo pháp luật.

Xác nhận quyền thừa kế di sản của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Đồng Minh H và ông Đồng Văn T được hưởng di sản thừa kế của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh chết để lại.

Xác định di sản thừa kế của cụ Đồng Văn Ph và cụ Nguyễn Thị Kh chết để lại là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20, vị trí đất tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam có diện tích là 173m² đất ở trị giá 242.200.000 đồng. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Kh chết để lại là thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06, vị trí đất tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam là 467m² đất lúa trị giá 91.065.000 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Ph và cụ Kh chết để lại các đương sự yêu cầu phân chia là 333.265.000 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Chia cho ông Đồng Văn T công sức quản lý, duy trì, tôn tạo di sản số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Chia đều theo pháp luật cho 02 kỹ phần thừa kế gồm: Ông H và ông Th, mỗi kỹ phần được hưởng là 161.632.500 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2. Chia cho ông Đồng Minh H được quyền sở hữu, sử dụng bằng hiện vật là diện tích 467m² đất lúa, trị giá 91.065.000 đồng, tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 06, vị trí đất ở thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam có tứ cận và sơ đồ kèm theo và tài sản trên đất do ông Th và bà Nh xây dựng trồng trọt, gồm:

Tường bao xây gạch bi trị giá 3.751.000 đồng; cây hoa màu: 11 cây hồng xiêm trị giá 3.402.000 đồng, 30 khóm chuối trị giá 2.465.000 đồng, 05 cây nhãn trị giá 1.250.000 đồng, 06 cây bưởi trị giá 2.517.000 đồng, 31 cây cau trị giá 4.526.000 đồng; công vượt lập 70.900.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là đất và tài sản trên đất là 179.876.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

3. Chia cho ông Đồng Văn T được quyền sở hữu, sử dụng bằng hiện vật là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 20, diện tích 173m² đất ở vị trí đất tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Trị giá thửa đất là 242.200.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng) có tứ cận và sơ đồ kèm theo. Ông Th và bà Nh được sử dụng các tài sản trên đất do ông Th, bà Nh xây dựng (các tài sản này các đương sự không yêu cầu giải quyết).

4. Về nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản:

- Ông Đồng Văn T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá tài sản trả cho ông Đồng Minh H số tiền 70.567.500 đồng (Bảy mươi triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Ông Đồng Minh H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá tài sản trên đất trả cho ông Đồng Văn T và bà Phạm Thị Nh số tiền 88.811.000 đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm mười một nghìn đồng).

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Phan Văn V, về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền

sử dụng đất và hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa ông V và cụ Kh theo giấy biên nhận ngày 04/12/2010 đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 20, diện tích 265m² (số đo hiện nay còn lại là 231m²) đất vườn, vị trí thửa đất tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Diện tích đất các bên đã tự giao nhận cho nhau.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị Kh và ông Phan Văn V theo giấy biên nhận ngày 04/12/2010 có hiệu lực pháp luật. Ông V có nghĩa vụ nộp các khoản phí với nhà nước và được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đất và định giá tài sản:

- Ông Đồng Văn T có trách nhiệm thanh toán trả ông Đồng Minh H số tiền 2.186.500 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Ông Phan Văn V có trách nhiệm thanh toán trả ông Đồng Minh H số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đồng Minh H. Trả lại số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí ông Hồng đã nộp theo biên lai số 0001124 ngày 24/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Ông Đồng Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.581.625 đồng, làm tròn thành 8.581.000 đồng (Tám triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Viện kiểm sát và các đương sự không phải chịu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Công Đoàn